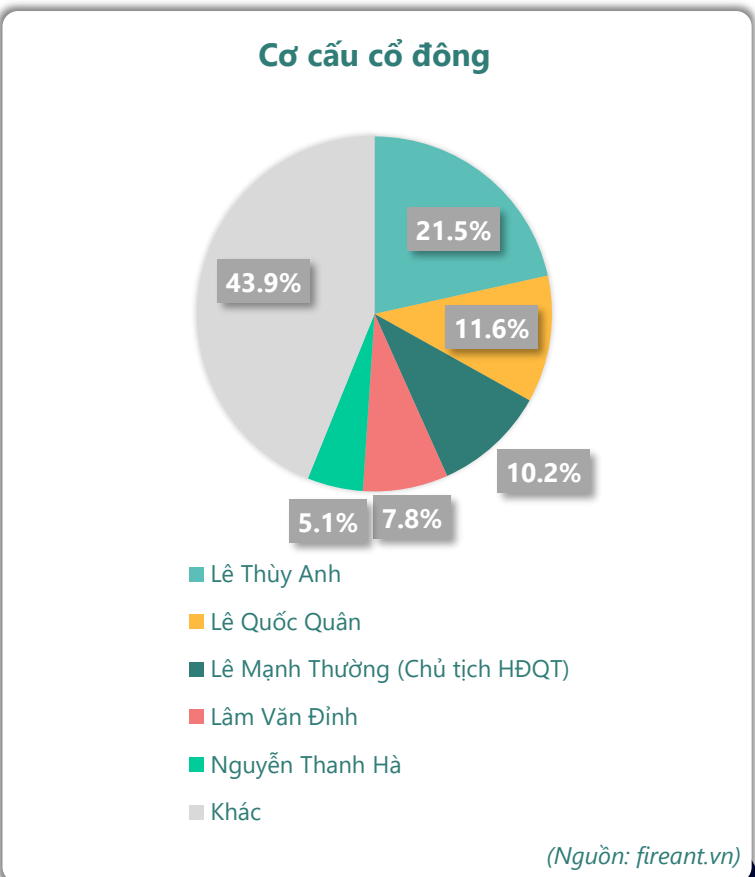
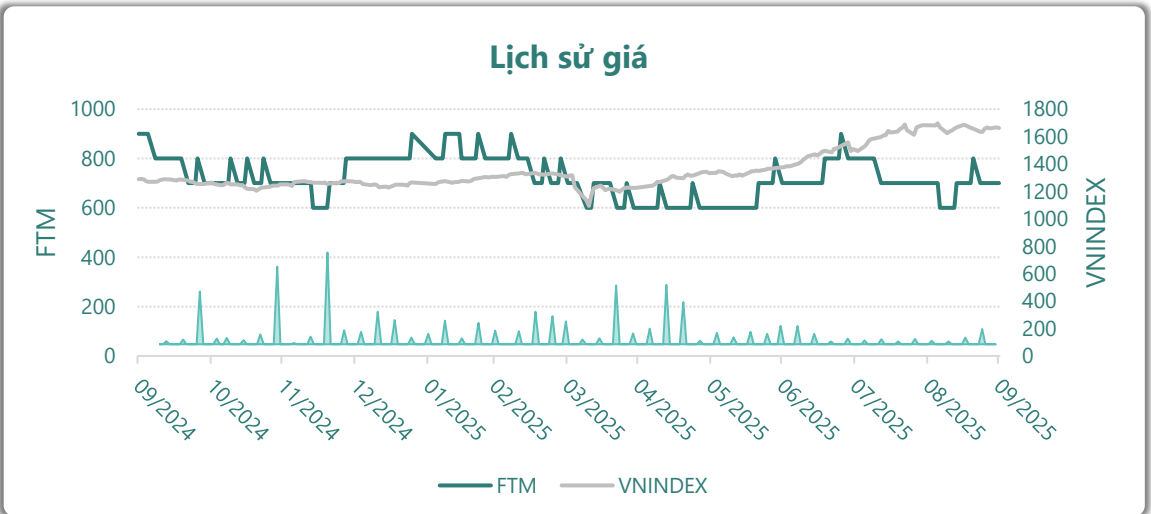
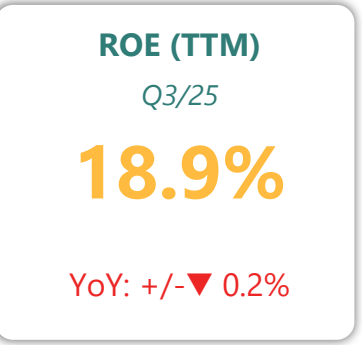
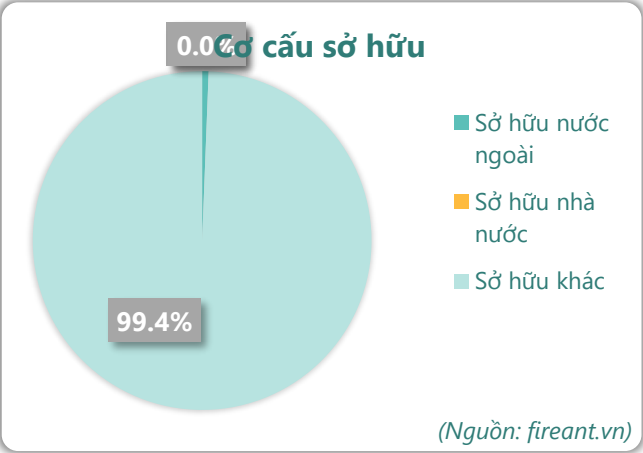


CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

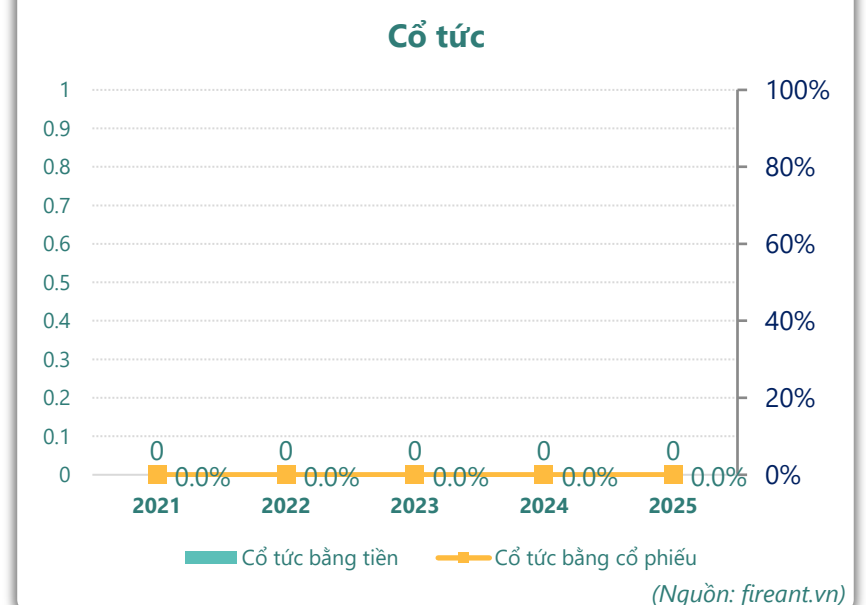
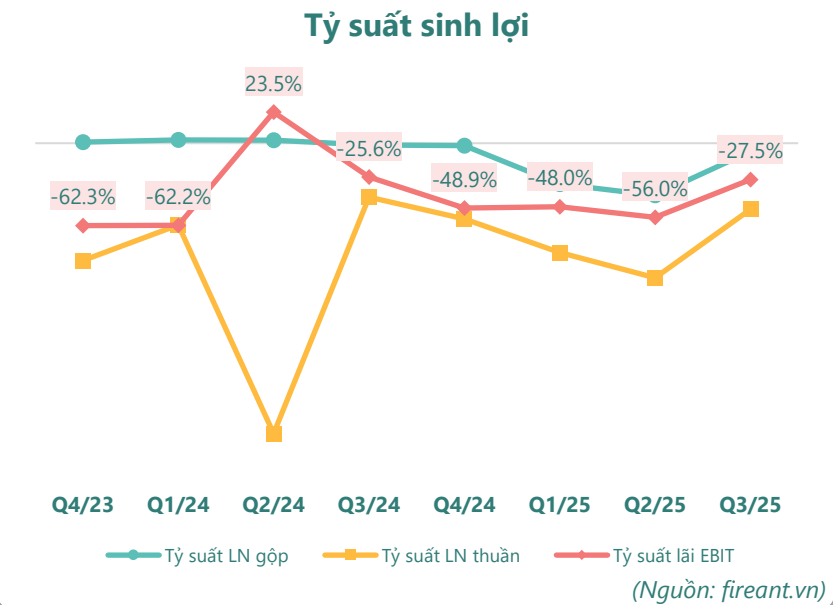
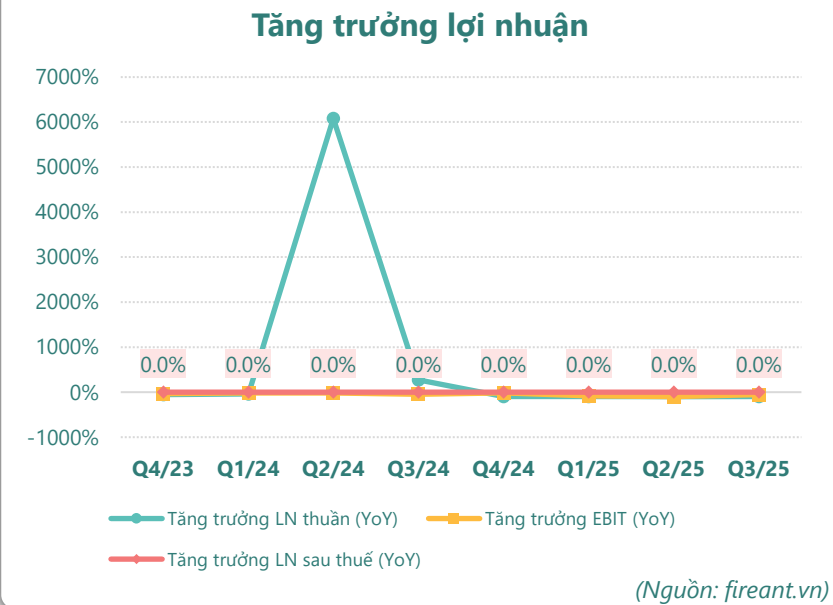
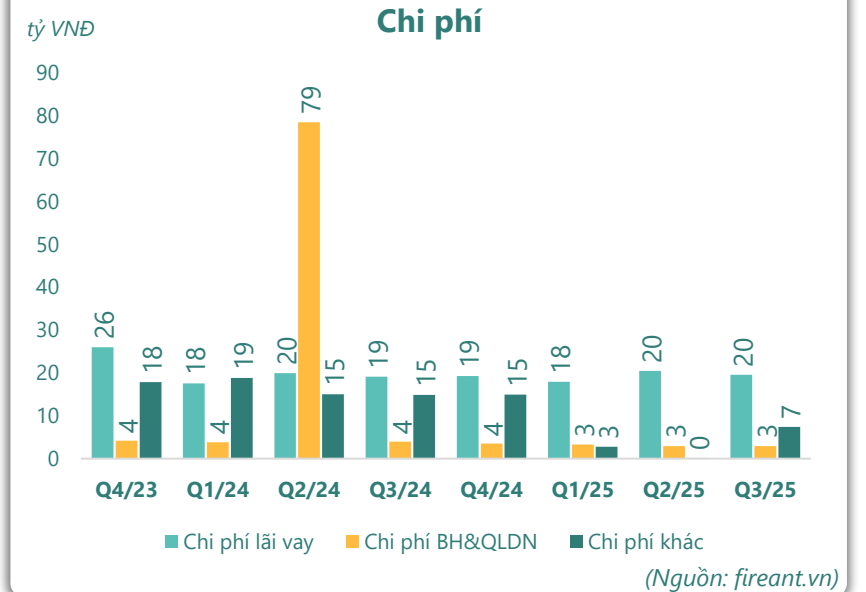
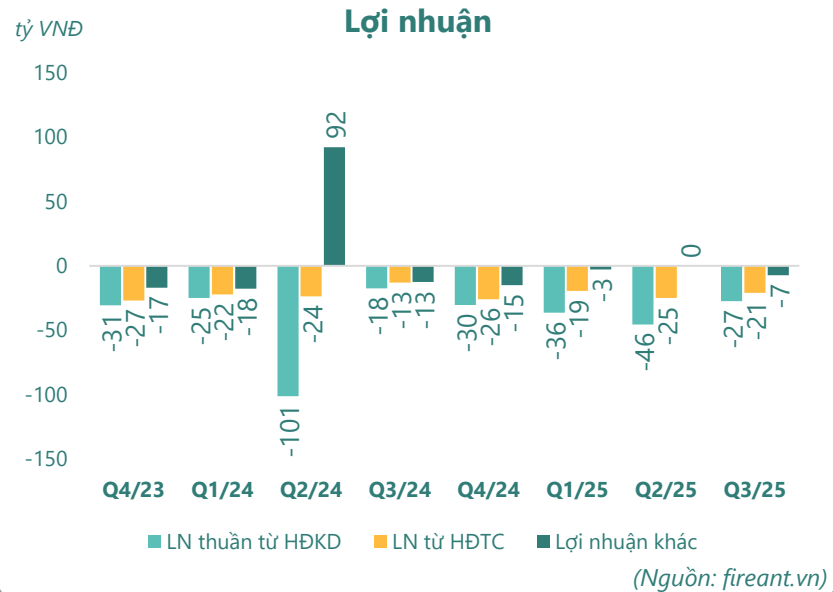
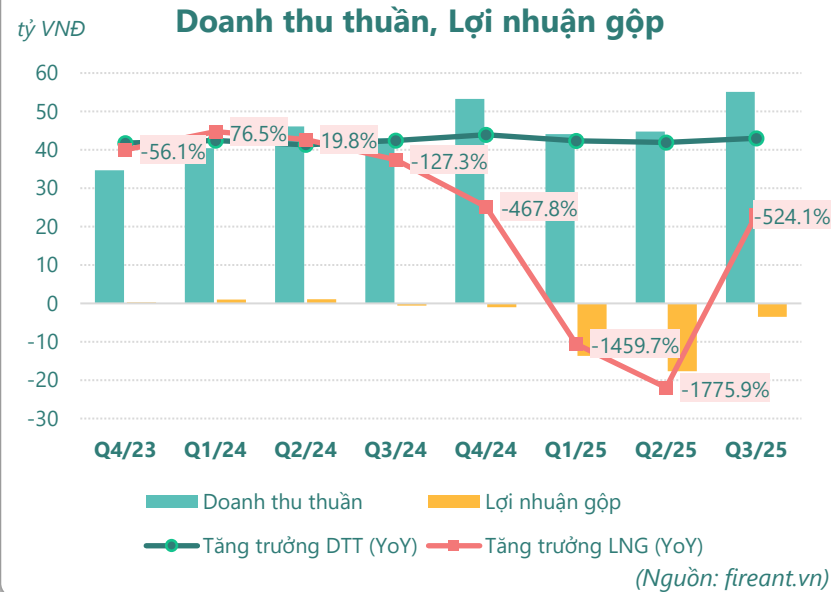
CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Ngày 30/09/2025	700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	600 - 900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	35
Số lượng CPLH (CP)	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	55,985
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.49
EPS	-3,295
P/E	-0.2



KẾT QUẢ KINH DOANH

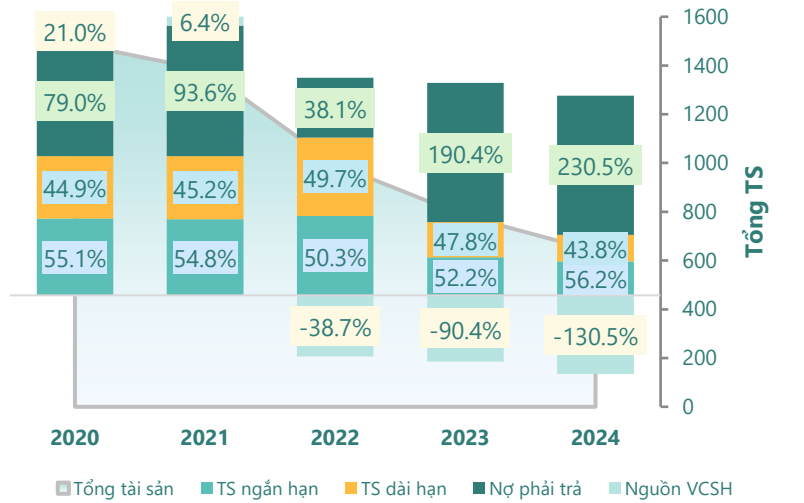


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

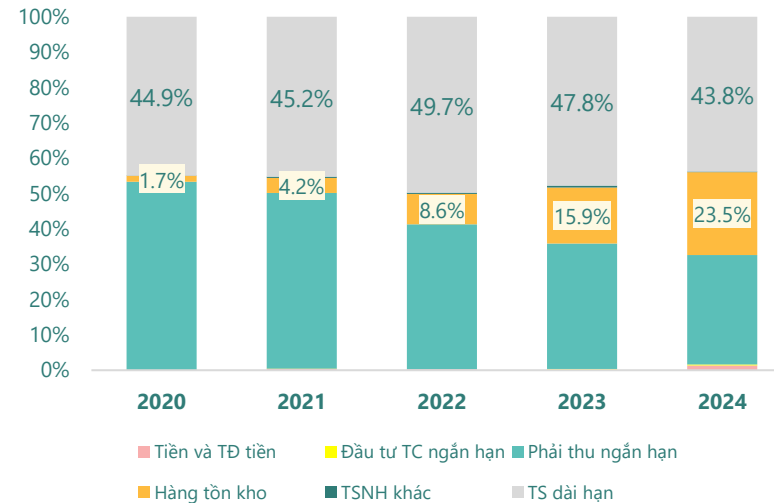
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

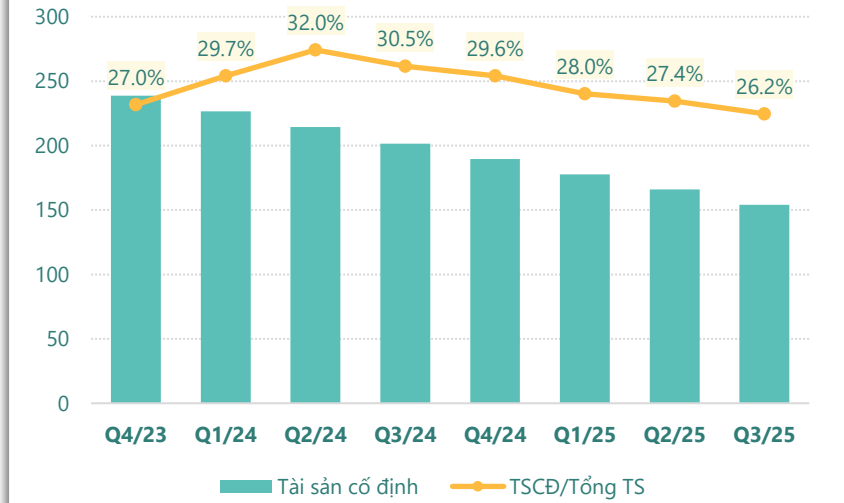
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

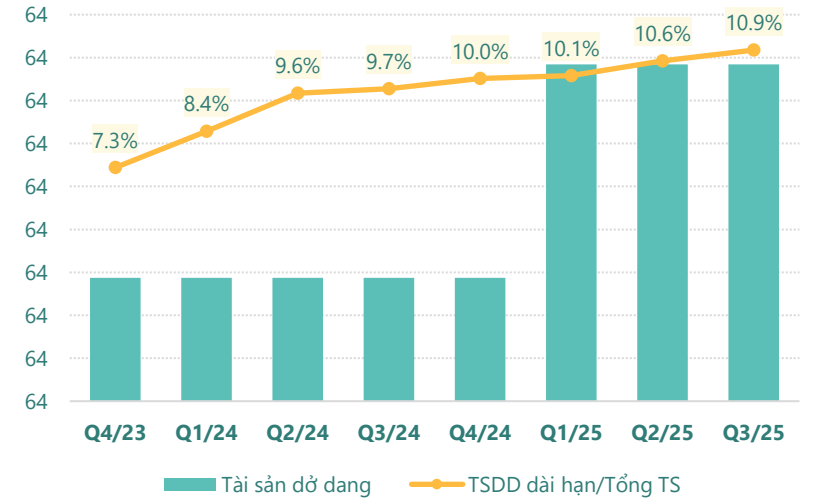
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

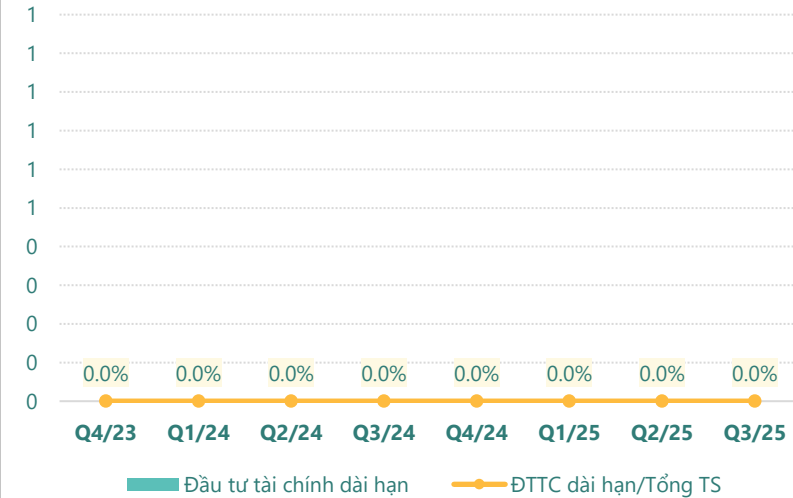
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

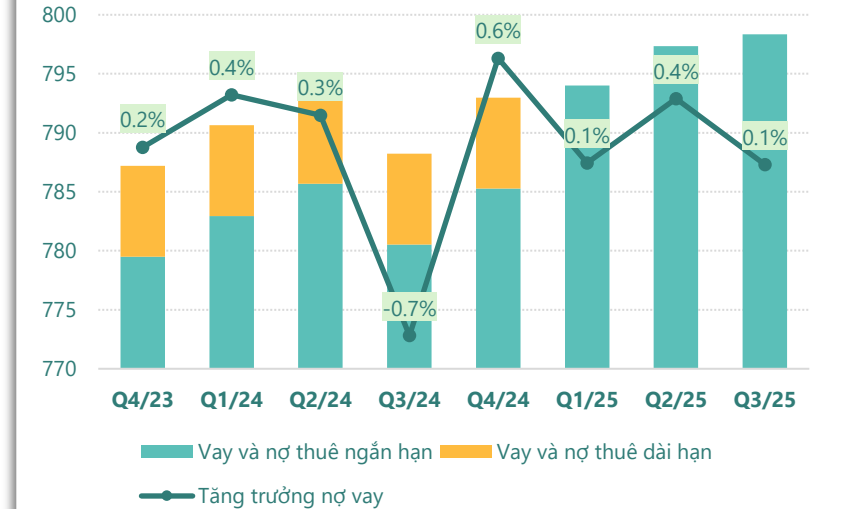
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

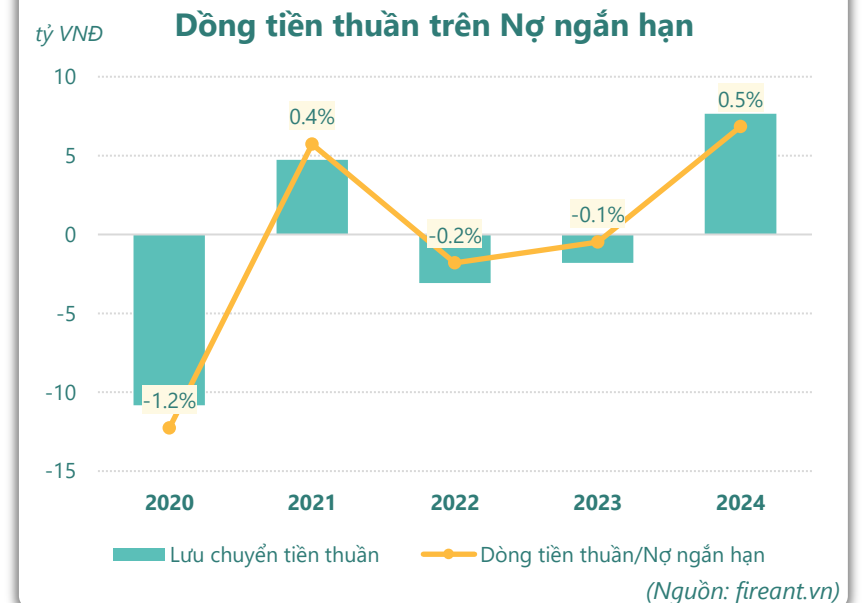
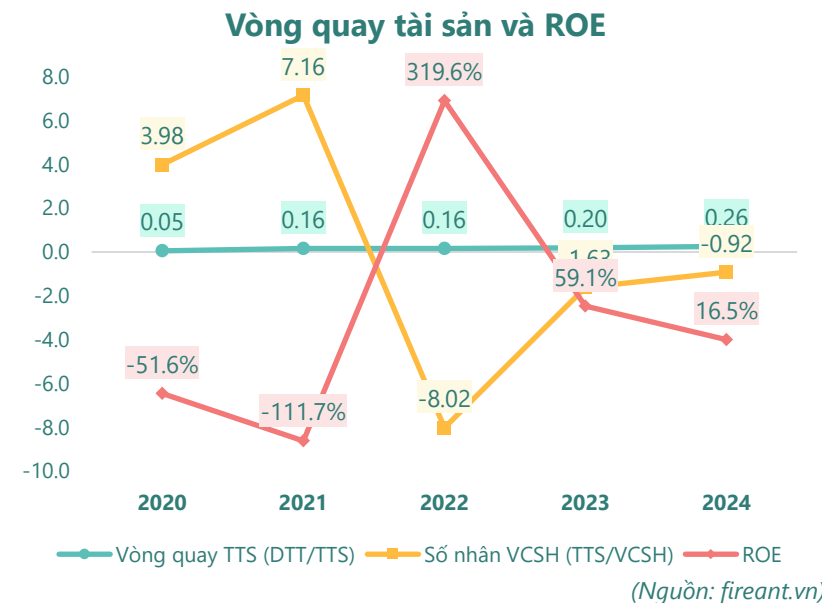
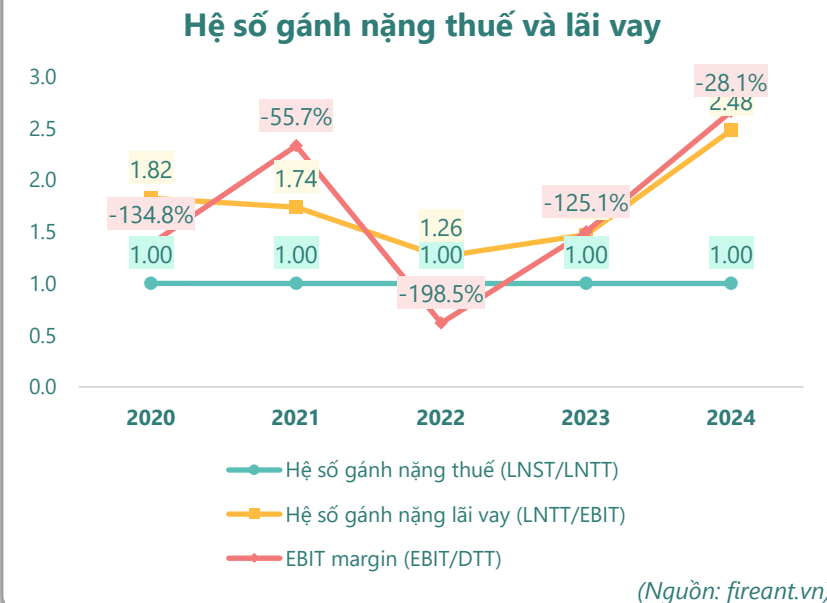
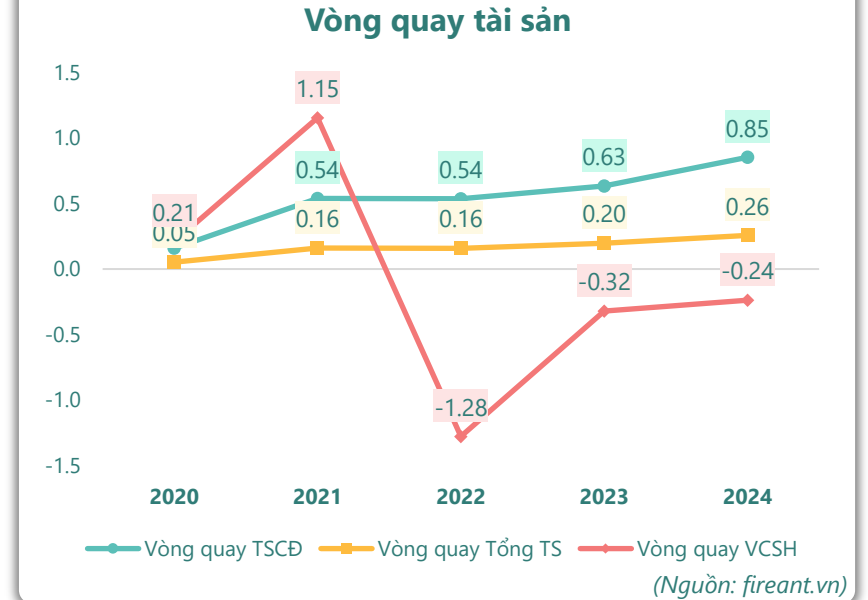
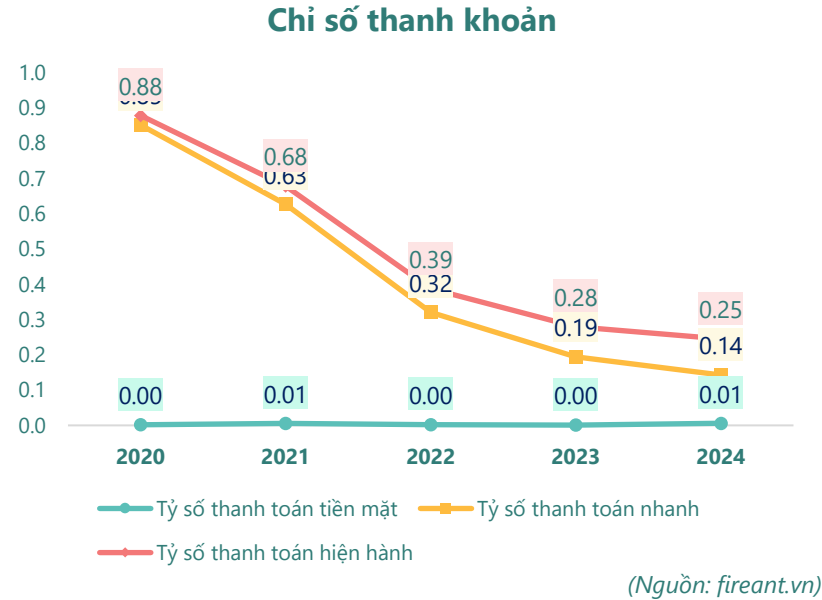
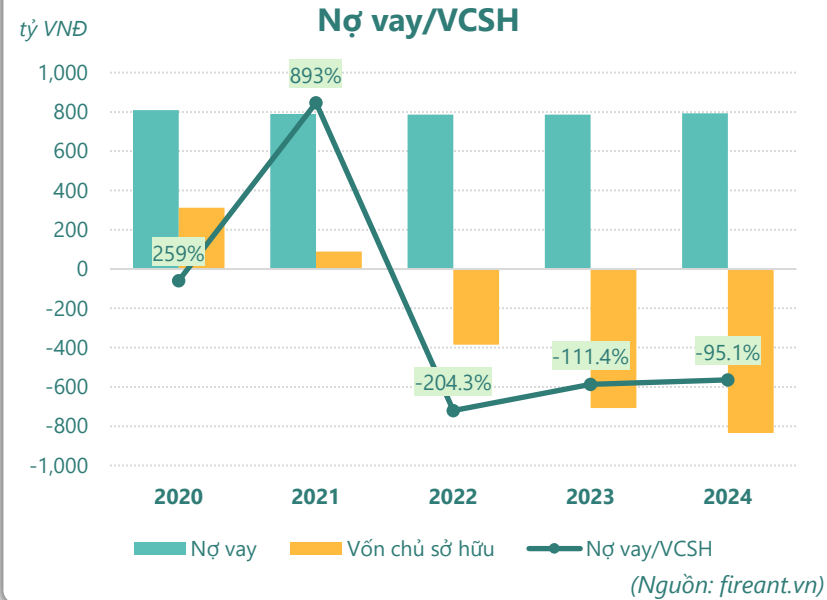
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	55.1	43.0	28.1%	144	129	11.1%
Giá vốn hàng bán	58.5	43.5	34.6%	179	128	39.6%
Lợi nhuận gộp	-3.47	-0.56	-520%	-34.7	1.50	-2419%
Doanh thu HĐTC	0.05	6.19	-99.2%	0.28	6.42	-95.7%
Chi phí TC	21.1	19.1	10.7%	65.8	65.3	0.7%
Chi phí lãi vay	19.6	19.1	2.7%	58.0	56.7	2.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.24	0.60	-60.2%	0.64	1.34	-52.4%
Chi phí QLDN	2.68	3.41	-21.5%	8.51	85.0	-90.0%
LN thuần từ HĐKD	-27.5	-17.5	-57.0%	-109	-144	23.9%
Lợi nhuận khác	-7.25	-12.6	42.5%	-9.94	61.8	-116%
LN trước thuế	-34.7	-30.2	-15.0%	-119	-82.0	-45.7%
Lợi nhuận sau thuế	-34.7	-30.2	-15.0%	-119	-82.0	-45.7%
LNST của CĐ cty mẹ	-34.7	-30.2	-15.0%	-119	-82.0	-45.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-14.7	-1.64	-6.67	-5.50	-15.7	2.22
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	15.0	10.7	6.47	0.95	7.99	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.50	-0.45	-0.45	-0.15	4.53	-0.15
Tiền đầu kỳ	0.98	0.79	9.39	8.73	4.03	0.86
Lưu chuyển tiền thuần	-0.19	8.60	-0.65	-4.70	-3.17	2.07
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.79	9.39	8.73	4.03	0.86	2.93

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	588	639	-8.0%
Tài sản ngắn hạn	353	359	-1.8%
Tiền và tương đương tiền	2.93	8.73	-66.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.50	1.50	0.0%
Phải thu ngắn hạn	197	198	-0.6%
Hàng tồn kho	150	150	0.3%
Tài sản ngắn hạn khác	1.07	0.95	12.1%
Tài sản dài hạn	235	280	-16.1%
Phải thu dài hạn	15.3	24.2	-36.7%
Tài sản cố định	154	190	-18.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	64.1	64.0	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.42	2.26	-37.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,542	1,474	4.6%
Nợ ngắn hạn	1,542	1,466	5.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	798	785	1.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	51.8	49.0	5.7%
Nợ dài hạn	0	7.70	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	7.70	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-954	-834	-14.3%
Vốn chủ sở hữu	-954	-834	-14.3%
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

